

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trúc Q, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số F, đường N, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số F, đường N, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/03/2024, bản tự khai ngày 10/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Trúc Q trình bày:

Bà Lê Thị Trúc Q và ông Trần Văn Đ tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016, ngày 29/01/2016. Hôn nhân của bà Q và ông Đ là tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay, bà Q xác định không còn tình cảm với ông Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Lê Thị Trúc Q và ông Trần Văn Đ có 02 con chung tên Trần Bảo P, sinh ngày 14/01/2016 và Trần Gia H, sinh ngày 06/12/2020. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Bảo P và Trần Gia H. Bà Q yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Trần Bảo P và Trần Gia H là 2.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2024 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà Q về việc chung sống, có đăng ký kết hôn và con chung. Ông Đ cũng thống nhất những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình sống chung của vợ chồng. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Q thì ông Đ đồng ý ly hôn. Về con chung, quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Bảo P, sinh ngày 14/01/2016 và Trần Gia H, sinh ngày 06/12/2020. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý để bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Bảo P và Trần Gia H. Ông Đ tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Trần Bảo P và Trần Gia H là 2.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Trúc Q khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với ông Trần Văn Đ. Ông Đ có địa chỉ tạm trú tại số F, đường N, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q, ông Đ đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Q và ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Trúc Q và ông Trần Văn Đ thống nhất xác định là bà Q và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016, ngày 29/01/2016 nên hôn nhân giữa bà Q và ông Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau nữa, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà Q có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ và được ông Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa bà Q và ông Đ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Q và ông Đ có 02 con chung tên Trần Bảo P, sinh ngày 14/01/2016 và Trần Gia H, sinh ngày 06/12/2020. Khi ly hôn, bà Q và ông Đ đều thống nhất giao 02 con chung là Trần Bảo P và Trần Gia H cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Trần Bảo P và Trần Gia H là 2.500.000 đồng/cháu/tháng; tổng số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà Q và ông Đ, phù hợp các Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 9, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc Q đối với ông Trần Văn Đ về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Công nhận bà Lê Thị Trúc Q và ông Trần Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Trúc Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Bảo P, sinh ngày 14/01/2016 và Trần Gia H, sinh ngày 06/12/2020. Ông Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Đ về việc cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Bảo P và cháu Trần Gia H là 2.500.000 đồng/cháu/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Trúc Q và ông Trần Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Trúc Q phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0002651, ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Trúc Q và ông Trần Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Vân